

## PHIẾU HỌC TẬP TUẦN 7

Giới từ	Thời gian	Ví dụ
<b>In</b> (trong, vào)	Tháng, năm, mùa, thập niên, thập kỉ, các buổi trong ngày (trừ <b>at night</b> ), cụm từ cố định.	– in January: vào tháng 1 – in 2010: vào năm 2010 – in summer: vào mùa hè – in the 1960s: vào những năm 1960. – in the morning: vào buổi sáng. – in time: đúng lúc, kịp lúc – in the end: cuối cùng
<b>On</b> (vào)	Các ngày trong tuần, ngày tháng, ngày tháng năm và các ngày cụ thể, cụm từ cố định.	– on Monday: Vào ngày thứ 2 – on 10 March: vào ngày 10 tháng 3 – on 10 March 2019: vào ngày 10 tháng 3 năm 2019 – on Christmas Day: vào ngày lễ giáng sinh. – on time: đúng giờ, chính xác.
<b>At</b> (vào lúc)	Thời gian trong ngày, các dịp lễ, cụm từ cố định.	– at 10 o'clock: lúc 10 giờ đúng – at midnight: vào giữa đêm – at Christmas: vào dịp giáng sinh – at the same time: cùng lúc – at the end of this year: cuối năm nay – at the beginning of this year: đầu năm nay – at the moment = at the present: ngay bây giờ
<b>Before</b> (trước khi)	Các cụm từ chỉ thời gian	– before 10am: trước 10 giờ sáng – before 2015: trước năm 2015 – before Christmas: trước giáng sinh.
<b>After</b> (sau khi)	Các cụm từ chỉ thời gian.	– After breakfast: sau bữa điểm tâm – After school: sau giờ học.
<b>During</b> (trong suốt)	Khoảng thời gian.	– During my holiday: suốt kỳ nghỉ – During September: suốt tháng 9.
<b>By</b> (trước)	Thời điểm	– By 9 o'clock: trước 9 giờ – By Monday: trước thứ 2.
<b>For</b> (trong khoảng thời gian)	Khoảng thời gian.	– For 3 years: trong 3 năm – For a long time = for ages: trong

<b>Giới từ</b>	<b>Thời gian</b>	<b>Ví dụ</b>
		một thời gian dài.
<b>Since</b> (từ khi)	Mốc thời gian	– since 2008: từ năm 2008 – since yesterday: từ ngày hôm qua.
<b>Till/ until</b> (cho đến khi)	Mốc thời gian	– till/ until 2 o'clock: cho đến 2 giờ – until tomorrow: cho đến ngày mai.
<b>Between</b> (giữa)	Giữa hai khoảng thời gian	– between 2pm and 5 pm: từ 2 giờ đến 5 giờ – between September to October: từ tháng 9 đến tháng 10.
<b>Up to/ to</b> (cho đến)	Mốc/ khoảng thời gian	– up to now: cho đến bây giờ – up to 3 hours per day: cho đến 3 giờ một ngày.
<b>From .... To/ till/ until...</b> (từ... đến...)	Mốc thời gian	– from Monday to Sunday: từ thứ 2 đến chủ nhật – from 8am to 11am: từ 8 giờ sáng đến 11 giờ.
<b>Within</b> (trong vòng)	Khoảng thời gian	– within 2 minutes: trong vòng 2 phút – within 2 months: trong vòng 2 tháng.
<b>Ago</b> (cách đây)	Khoảng thời gian	– 5 years ago: cách đây 5 năm.

*Lưu ý: Một số từ sau đây không đi kèm với giới từ: tomorrow, yesterday, today, now, right now, every, last, next, this, that.*

**I. Fill in the blanks below with the suitable prepositions of time:**

- Aurora's birthday is ..... May, but I don't know which date.
- Steve is 65. He'll be retiring from his job ..... two years.
- I don't like dark. I try to avoid going out ..... night
- My car is being repaired at the garage. It will be ready ..... two hours.
- Helen and David always go out for dinner ..... their wedding anniversary.
- My class ends.....2 pm.
- .....Christmas day, I go to the church with my family.

8. I'm cooking.....the moment.
9. I haven't seen him.....2000.
10. There is snow.....winter. I love this season.
11. I fell asleep.....the film.
12. Columbus discovered America.....the 15th century.
13. Jack's gone away. He'll be back.....a week.
14. He was plating the trees.....that time.
15. We always decorate our room.....Christmas.
16. She hasn't seen Kate for a few days. She said that she had last seen her ..... Tuesday.
17. Same isn't here..... the moment, but he'll be there this afternoon.
18. It rained very hard ..... the night. Did you hear it?
19. The bus station was busy. A lot of buses were leaving..... the same time.
20. It was short book and essay to read. I read it ..... a day.
21. My parents will go on a vacation .....few weeks.
22. My birthday is.....September 18.
23. My brother likes to play game.....the evening.
24. This band was very well-known.....the 1920s.
25. It has rained.....3 days without stopping.
26. I was tired this morning, so I stayed in bed.....half past ten.
27. ....Sunday morning, I usually go to the park with my father.
28. I bought this dress 2 days.....

29. "Shall we go now?" "No, let's wait.....it stops raining."

30. Don't worry! I'll send you this file.....2 minutes.

**Dáp án:**

1. in	6. at	11. during	16. on	21. in	26. till / until
2. in	7. on	12. in	17. at	22. on	27. on
3. at	8. at	13. in	18. in	23. in	28. ago
4. in	9. since	14. at	19. at	24. in	29. till / until
5. on	10. in	15. at	20. in	25. for	30. within

**II. Identify errors and circle A, B, C or D:**

- Why you call me so late last night?  
A B C D
- Which subject do you have last week?  
A B C D
- Miss Lan teach us English two years ago.  
A B C D
- When I was young, I used have long hair.  
A B C D
- They often go out for dinner in Saturday evenings.  
A B C D

**III. Supply the correct forms of the verbs in parentheses:**

- Mr. Brown used \_\_\_\_\_ soccer when he \_\_\_\_\_ young. (play/be)
- \_\_\_\_\_ you \_\_\_\_\_ out last night? (go)
- It's difficult \_\_\_\_\_ this mountain. (climb)
- An is in hospital. I \_\_\_\_\_ him tomorrow. (visit)
- Do you remember the film we \_\_\_\_\_ last week? (see)
- Lan used \_\_\_\_\_ English songs when she \_\_\_\_\_ young. (sing/be)
- \_\_\_\_\_ you \_\_\_\_\_ out last night? (go)
- We \_\_\_\_\_ to Hanoi two years ago. (go)
- \_\_\_\_\_ you \_\_\_\_\_ a musical instrument when you were a kid? (play)
- Did someone help you \_\_\_\_\_ the picture? (draw)
- When \_\_\_\_\_ you \_\_\_\_\_ this book?  
- I \_\_\_\_\_ it last month. (buy)
- He occasionally \_\_\_\_\_ us. (visit)
- The Olympic Games \_\_\_\_\_ place every four years. (take)
- Yesterday, Lan and I \_\_\_\_\_ to the movies. (go)  
We \_\_\_\_\_ a good film. (see)
- There was a power failure, so they \_\_\_\_\_ the candles. (light)
- She \_\_\_\_\_ some strange noise at midnight last night. (hear)
- When I \_\_\_\_\_ young, my mother \_\_\_\_\_ the lamp and  
my father \_\_\_\_\_ us stories after dinner. (be / light / tell)
- It stopped \_\_\_\_\_, so I \_\_\_\_\_ off my raincoat. (rain / take)
- He \_\_\_\_\_ his bag in school yesterday. (lose)

20. People \_\_\_\_\_ on the phone many hundred years ago. ( not talk )

**IV. Complete the second sentence so that it has a similar meaning to the first:**

- 1) Lan often went to school by bus.  
→ Lan used \_\_\_\_\_ .
- 2) Great-grandma often cooked meals.  
→ Great-grandma used \_\_\_\_\_ .
- 3) They don't talk to each other anymore.  
→ They used \_\_\_\_\_ .
- 4) My father doesn't smoke any more.  
→ My father used \_\_\_\_\_ .
- 5) When I was a child, I wore a long dress.  
→ I used \_\_\_\_\_ .
- 6) I usually watched soccer every Sunday last year.  
→ I used \_\_\_\_\_ .
- 7) There was a lake behind my parents' house.  
→ There used \_\_\_\_\_ .
- 8) Did you often go to the beach?  
→ Did you use \_\_\_\_\_ ?
- 9) He will be here between 9 and 11 a.m.  
→ He is not here \_\_\_\_\_ .
- 10) "BLUE SEA" shop doesn't open until 9 a.m.  
→ You must \_\_\_\_\_